

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi 2.400 con heo nái sinh sản tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận Phát làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 35/CV-TP ngày 06/12/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 354/TTr-STNMT ngày 12/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận Phát (sau đây gọi là Chủ dự án); địa chỉ: ấp Bàu Cây Me, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi 2.400 con heo nái sinh sản tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi 2.400 con heo nái sinh sản.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành

viên trở lên số 3801202652 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/6/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 19/10/2023.

1.4. Mã số thuế: 3801202652.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ trại lạnh khép kín.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí môi trường như dự án nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Tổng diện tích Dự án: Khoảng 104.906,4 m².

- Quy mô: Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô các hạng mục công trình của Dự án:

+ Hạng mục công trình chính: Nhà heo nọc, nhà heo nái đẻ, nhà heo mang thai, nhà heo cai sữa, nhà heo cách ly số 1, nhà heo cách ly số 2 có tổng diện tích 12.480 m².

+ Hạng mục công trình phụ trợ: Nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà công nhân 1, 2, nhà điều hành, kho cám,... có tổng diện tích 2.798,22 m².

+ Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Nhà để phân, nhà chứa chất thải nguy hại, nhà chứa chất thải rắn thông thường, hầm huỷ xác, cụm bể xử lý nước thải,... có tổng diện tích 12.291 m².

+ Cây xanh, thảm cỏ có diện tích 76.554,98 m²; hành lang lộ giới có diện tích 782,20 m².

- Công suất: 2.400 con heo nái sinh sản.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện nội dung cấp phép xả nước thải và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận Phát:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc tái sử dụng nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm** (kể từ ngày ký ban hành Giấy phép này).

Điều 4. Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 5.

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu liên quan đến việc cấp phép cho Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận Phát thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án nêu trên.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đồng Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Như Điều 5;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận Phát;
- Lưu: VT_(BH-01-GPMT-10/01).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày .../01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án (khoảng 83,865 m³/ngày.đêm) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 110 m³/ngày.đêm để xử lý. Nước thải sau xử lý được lưu chứa trong 02 hồ chứa nước sau xử lý (thể tích của mỗi hồ khoảng 7.500 m³), nước thải sau đó được chia thành 02 dòng tái sử dụng, không xả thải ra ngoài môi trường. Cụ thể như sau:

- Nước thải sau xử lý sử dụng để tưới cây: Khoảng 65,74 m³/ngày.đêm đảm bảo xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng (các loại cây trồng trừ cây rau, cây dược liệu) trong khuôn viên trang trại.

- Nước thải sau xử lý tuần hoàn, tái sử dụng cho hoạt động rửa chuồng khoảng 12,125 m³/ngày.đêm và ngâm đan khoảng 6 m³/ngày.đêm. Chủ dự án cam kết tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng để vệ sinh chuồng nuôi của trang trại.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại 03 ngăn được dẫn về hầm biogas 1 bằng đường ống nhựa PVC, Ø90 mm. Nước rửa chân tay được dẫn về hồ sinh học 2 bằng đường ống nhựa PVC, Ø90 mm dài 650 m. Chủ dự án xây dựng 04 bể tự hoại 03 ngăn (02 bể tự hoại tại các nhà ở công nhân, 01 bể tự hoại tại nhà kỹ thuật, 01 bể tại nhà điều hành) với thể tích của mỗi bể là 03 m³.

- Nước sát trùng xe và công nhân được dẫn về hồ chứa nước thải sau xử lý bằng đường ống nhựa PVC, Ø60 mm dài 260 m.

- Nước thải chăn nuôi tại trại được thu gom bằng mương dẫn nước thải là mương bê tông đá 1 x 2 dày 10 cm, độ dốc 1,5%, quét chống thấm, mương kín, bên trên có lắp đặt các tấm đan dầy kín, mương được bố trí dọc trong khu trại. Mương dẫn nước thải có kích thước khoảng: sâu x rộng x dài = 0,5 m x 0,5 m x 629 m, mương này dẫn nước thải từ các khu chuồng trại đến hệ thống xử lý

nước thải.

Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án khoảng 83,865 m³/ngày.đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 110 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn → Hàm biogas; Nước rửa tay, rửa chân, nước tắm giặt → Hồ sinh học 2; Nước sát trùng xe và công nhân → Hồ chứa nước thải sau xử lý; Nước thải chăn nuôi → Hồ CT → Hàm biogas → Hồ sinh học 1 → Hồ sinh học 2 → Bể điều hoà → Bể anoxic → Bể oxíc (bể hiếu khí) → Bể lắng sinh học 1 → Bể lắng sinh học 2 → Bể trộn → Bể tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý.

Nước thải phát sinh từ được xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng; sau đó được tuần hoàn, tái sử dụng vào mục đích tưới gốc cho cây trồng (tưới vào vùng rễ xung quanh gốc cây) trong phạm vi trang trại theo quy định của pháp luật và tuần hoàn, tái sử dụng nước thải sau xử lý cho mục đích vệ sinh chuồng trại, ngâm đàn. Trong đó: Nước thải sau xử lý để vệ sinh chuồng trại, ngâm đàn là 18,125 m³; lượng nước tưới cây là 65,74 m³/ngày.đêm được lưu chứa tại 02 hồ chứa nước thải sau xử lý, dung tích mỗi hồ khoảng 7.500 m³. Chủ dự án không được phép xả thải ra môi trường trong suốt quá trình hoạt động kể cả trường hợp xảy ra sự cố với hệ thống xử lý nước thải. Chủ dự án phải tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng vệ sinh chuồng trại của trang trại.

- Công suất thiết kế hệ thống: 110 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: PAC, polymer, NaOCl.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Công trình ứng phó sự cố: Trường hợp hệ thống xử lý nước thải khi gặp sự cố thì toàn bộ lượng nước thải phát sinh được lưu chứa tạm thời tại 01 hồ chứa nước thải sau xử lý (dung tích khoảng 7.500 m³), sau khi khắc phục sự cố xong, nước thải được bơm về hàm biogas để tiếp tục xử lý.

Đối với các thiết bị (bơm, máy thổi khí,..) tại mỗi vị trí đã lắp đặt 02 thiết bị với mục đích để thiết bị hoạt động luân phiên và dự phòng trong trường hợp có thiết bị hư hỏng.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

+ Vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để

có biện pháp xử lý và ứng phó sự cố kịp thời.

+ Trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị, vật tư dự phòng như máy bơm, máy châm hóa chất, đường ống, bạt HDPE để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, sự cố đối với các hồ biogas.

+ Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh, đường ống thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

+ Định kỳ hàng năm kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, các công trình xử lý, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

+ Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung bị quá tải, bị tắc hoặc các thiết bị tự động bị hư hỏng cần thời gian sửa chữa, khắc phục thì nước thải được bơm về hồ chứa nước thải sau xử lý để lưu trữ tạm thời, đồng thời khoá van xả từ hầm biogas để nước thải lưu tại hầm biogas. Sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm trở lại hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục quá trình xử lý, bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hiệu quả xử lý của từng công đoạn xử lý, đảm bảo nước thải sau xử lý phải đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này.

1.5. Vị trí, phương thức và chế độ tưới cây:

- Vị trí tưới cây: Khu đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH Chăn nuôi Thuận Phát đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 22/9/2020, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT26851, số sêri CT814910.

- Lưu lượng tưới lớn nhất: Khoảng 65,74 m³/ngày.đêm.

- Phương thức tưới: Nước thải sau xử lý được lưu chứa trong 02 hồ sau xử lý (thể tích mỗi hồ khoảng 7.500 m³), Chủ dự án dùng máy bơm, bơm nước từ hồ chứa nước thải sau xử lý thông qua hệ thống ống dẫn để tưới cây trong khuôn viên Dự án, cụ thể: hệ thống tưới bao gồm máy bơm, bơm nước từ hồ chứa nước thải sau xử lý theo đường ống chính nhựa mềm PVC Ø90 mm với tổng chiều dài khoảng 250 m được ghép bởi nhiều đoạn ngắn dẫn tới vị trí cần tưới trong khuôn viên Dự án. Tiến hành tưới thủ công, tưới gốc cho cây trồng (tưới vào vùng rễ xung quanh gốc cây) theo đúng quy định.

- Chế độ tưới: Nước thải được tưới gián đoạn với định mức tưới 06 - 10 lít/m²/lần, tần suất tưới 02 lần/tuần vào mùa nắng và 01 lần/tuần vào mùa mưa.

- Chất lượng nước thải trước khi tưới tiêu phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trong phạm vi trang trại theo quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và điểm a khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 110 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải, công suất 110 m³/ngày.đêm.
- Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải, công suất 110 m³/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chỉ tiêu phân tích: pH, Cl⁻, As, Cd, Cr, Hg, Pb, E.coli.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải: Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải: Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 02 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả. Trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Nước thải phát sinh từ Dự án phải đảm bảo xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trước khi được tuần hoàn, tái sử dụng vào mục đích tưới cây trồng (tưới vào vùng rễ xung quanh gốc cây) trong phạm vi Dự án theo quy định của pháp luật và tuần hoàn, tái sử dụng nước thải sau xử lý cho mục đích vệ sinh chuồng trại, ngâm đan. Chủ dự án không được phép xả thải ra môi trường trong suốt quá trình hoạt động kể cả trường hợp xảy ra sự cố với hệ thống xử lý nước thải. Chủ dự án phải tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng vệ sinh chuồng trại của trang trại.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận

hành công trình xử lý nước thải (hóa chất sử dụng, điện năng tiêu thụ, sự cố,...). Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Chủ dự án phải lắp đặt camera giám sát để ghi, lưu trữ hình ảnh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải (trường hợp có khiếu kiện, khiếu nại để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra). Thiết kế công phụ và mở lối đi riêng vào khu vực hệ thống xử lý nước thải và bố trí hệ thống khử trùng tại lối đi này, có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

3.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

3.5. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường.

3.6. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trước khi tái sử dụng nước thải sau xử lý cho mục đích tưới cây trồng.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày .../01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng
- Nguồn số 02: Từ quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải .

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1282561; Y = 563903.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1282391; Y = 563877.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106^o15', múi chiếu 3^o)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly, đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ dự án

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ máy phát điện).

2.3. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày ... /01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/tháng)	Mã chất thải nguy hại
1	Hộp chứa mực in thải	Rắn	0,5	08 02 04
2	Chất thải lây nhiễm (gồm chất thải sắc nhọn)	Rắn/Lỏng	50	13 02 01
3	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn/Lỏng	30	14 02 02
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	02	16 01 06
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	10	17 02 03
6	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	15	18 01 03
7	Bao bì mềm thải	Rắn	05	18 01 01
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	02	18 02 01
9	Pin, ắc quy thải	Rắn	0,5	19 06 01
Tổng			115	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Phân heo	3.627,5
2	Xác heo chết không do dịch bệnh	15
3	Nhau thai	39
4	Bùn thải	231
5	Bao bì đựng cám	0,29
6	Tấm làm mát thải bỏ	1,27
7	Thùng carton, giấy vụn,...	5

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	32
Tổng khối lượng		32

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 08 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt, mái lợp tôn, sàn cao tránh bị ngập nước, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng nhựa có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường: Diện tích: 12 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, cửa ra vào bằng khung sắt.

- Đối với phân heo: Phân heo được chứa trong nhà chứa phân. Diện tích nhà chứa phân: 105 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây kín tô 02 mặt quét sơn nước, mái lợp tôn.

- Đối với bùn thải: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn, Chủ dự án xây dựng 01 bể chứa bùn có kích thước: dài x rộng x sâu = 2,2 m x 1,2 m x 3,0 m, kết cấu: bê tông cốt thép có quét vật liệu chống thấm. Bùn sau khi khô được đóng bao và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không có kho lưu chứa riêng chất thải sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Hoạt động tự xử lý chất thải:

Công trình tự xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Loại chất thải tự xử lý: Heo chết không do dịch bệnh và nhau thai.
- Khối lượng chất thải tự xử lý: 54 kg/ngày.

- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý: Heo chết không do dịch bệnh và nhau thai → Thu gom → Hàm hủy xác.

Chủ dự án xây dựng 01 hầm hủy xác với kích thước: dài x rộng x sâu = 3 m x 4 m x 4 m. Hầm hủy xác có kết cấu bê tông chống thấm, chia thành 02 ngăn, mỗi ngăn có 01 cửa để bỏ heo chết không do dịch bệnh, cửa được xây bằng gạch với kích thước: dài x rộng = 0,4 m x 0,4 m. Bề mặt hầm hủy xác bố trí cửa kín có rắc vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với Chủ dự án

1. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành. Đối với trường hợp heo chết do dịch bệnh: Chủ dự án phải báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo đúng quy định.

2. Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày .../01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước)

YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Đối với khí thải từ máy phát điện dự phòng; mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi, hệ thống xử lý nước thải, khu vực ép phân, khí từ hầm biogas và hầm ủ xác:

3.1. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_p = 1$, $k_v = 1,2$) trước khi xả ra môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành. Bảo dưỡng máy phát điện định kỳ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp. Khí thải máy phát điện được phát tán ra môi trường tại nhà đặt máy phát điện gần kho cám. Ống khói được làm bằng thép không gỉ, chịu nhiệt cao, ống khói cao hơn mái khoảng 2 m, đường kính 150 mm.

3.2. Đối với mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi, hệ thống xử lý nước thải, khu vực ép phân, khí từ hầm biogas và hầm ủ xác:

- Khu vực chuồng nuôi: Bố trí hợp lý chiều cao chuồng trại, tăng cường trồng cây xanh cách ly xung quanh khu trại để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí; thường xuyên vệ sinh chuồng trại sạch sẽ; không chế ô nhiễm mùi bằng biện pháp phun chế phẩm EM tại khu vực phát sinh mùi. Bố trí hệ thống thông gió, trang bị quạt hút ở cuối mỗi dãy chuồng nuôi.

- Khu vực thu gom, xử lý nước thải: Hệ thống đường ống, hồ gas thu gom nước thải là hệ thống kín; thường xuyên khơi thông tránh ứ đọng phân và nước thải tại các hồ gas; phun chế phẩm EM vào những vị trí phát sinh mùi hôi; đối với hồ biogas: phủ và lót bạt đáy bằng vật liệu HDPE để không phát tán mùi hôi ra ngoài.

- Khu vực nhà chứa phân: Rắc vôi bột nhằm xử lý mùi hôi, vi khuẩn có hại tồn tại trong phân heo và phun chế phẩm sinh học EM với tần suất 01 lần/ngày.

- Khu vực hầm ủ xác heo: Rãi vôi bên ngoài và trên bề mặt hầm ủ xác hoặc phun chlorine nồng độ 2%, với lượng 0,2 - 0,25 lít/m² để hạn chế mùi hôi

phát sinh và nguy cơ dịch bệnh nếu có, trồng cây xanh quanh khu vực hầm hủy xác để hạn chế sự phát tán mùi trong không khí...

- Chủ dự án bố trí trồng cây xanh phía sau các quạt hút và khu vực dự án đảm bảo đạt tối thiểu 20% tổng diện tích Dự án để giảm thiểu mùi hôi phát tán xung quanh.

- Đối với khí từ hồ biogas:

+ Toàn bộ lượng khí biogas hình thành được lưu chứa trong hồ biogas kín, vật liệu HDPE.

+ Khí biogas được đốt bỏ có kiểm soát theo đúng quy định bằng các thiết bị chuyên dụng, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ.

+ Đường ống dẫn khí biogas sử dụng vật liệu chống ăn mòn (uPVC/HDPE) đảm bảo hạn chế hư hỏng đường ống phát tán khí biogas ra môi trường. Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng đường ống dẫn khí. Kiểm tra nước đọng trong ống dẫn khí, kiểm tra ống dẫn khí không bị cong, gập.

- Áp dụng các biện pháp quản lý, các biện pháp kỹ thuật kiểm soát triệt để, không phát tán khí thải, mùi hôi, đảm bảo chất lượng môi trường không khí bên ngoài chuồng nuôi và xung quanh trang trại khu chăn nuôi luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

6. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của Dự án.

7. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định tại Điều 140 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

8. Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

10. Đối với các công trình của Dự án có thay đổi và bổ sung so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải liên hệ các cơ quan có liên quan thực hiện các thủ tục (nếu có) theo đúng quy định pháp luật.

11. Chủ dự án phải bố trí các công trình, hạng mục đảm bảo đúng mục đích sử dụng đất và theo đúng quy định.

12. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

13. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

14. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của Dự án.

15. Thực hiện các nội dung khác đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.